

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, LỆ PHÍ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC SƯ

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng (gồm: Lệ phí cấp chứng nhận (chứng chỉ) năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân, lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài), lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư (chứng chỉ hành nghề kiến trúc).

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây

dựng, chứng chỉ hành nghề kiến trúc; nhà thầu nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân, cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp lệ phí cấp: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân, chứng chỉ hành nghề kiến trúc, giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.

d) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp có đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 64 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng không thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư này.

Điều 2. Người nộp lệ phí

Tổ chức khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc; nhà thầu nước ngoài khi nhận giấy phép hoạt động xây dựng phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu lệ phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân, chứng chỉ hành nghề kiến trúc, cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo quy định pháp luật thực hiện thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân được quy định như sau:

a) Mức thu lệ phí cấp lần đầu, điều chỉnh hạng, chuyển đổi:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức: 1.000.000 đồng/chứng chỉ.

- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 300.000 đồng/chứng chỉ.

b) Mức thu lệ phí cấp lại, bổ sung nội dung, điều chỉnh, gia hạn chứng chỉ bằng 50% mức thu lệ phí tại điểm a khoản này.

2. Mức thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc quy định như sau:

a) Mức thu lệ phí cấp lần đầu, chuyển đổi: 300.000 đồng/chứng chỉ.

b) Mức thu lệ phí cấp lại, gia hạn, công nhận chứng chỉ bằng 50% mức thu lệ phí tại điểm a khoản này.

3. Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài: 2.000.000 đồng/giấy phép.

4. Trường hợp cấp lại chứng chỉ, giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ghi sai thông tin thì không thu lệ phí.

5. Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân, chứng chỉ hành nghề kiến trúc, giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thu bằng Đồng Việt Nam.

Điều 5. kê khai, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

2. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân, cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hàng năm theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2022.

2. Bãi bỏ Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

3. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ, giấy phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khi được cấp chứng chỉ, giấy phép thực hiện nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 172/2016/TT-BTC.

4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

Vũ Thị Mai

